

Số: 03/2018/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 02 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ; quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

SỐ TƯ PHÁP TỈNH ĐIỆN BIÊN
Số:
ĐẾN Ngày: 10/01/2018
Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư 01/2017/TT-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc Quy định chi tiết thực hiện dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư 18/2017/TTBNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định mức hỗ trợ một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ; quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Điện Biên ban hành Quy định tạm thời về cơ chế tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017-2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 tỉnh Điện Biên; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan: Bộ Tài chính, Bộ Lao động - TB&XH, Bộ NN&PTNT, Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh, các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy các huyện, thị xã, thành phố;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Báo Điện Biên Phủ;
- LĐVP + CV các khối;
- Lưu: VT, TH, KGVX_{HVQ}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Mùa A Sơn

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi, mức chi hỗ trợ; quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp hỗ trợ
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn
2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ; quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (viết tắt là Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững), bao gồm:

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (tiểu dự án 3 - Dự án 1, thuộc Chương trình 30a);
2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã Đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn/bản đặc biệt khó khăn (tiểu dự án 2- Dự án 2, thuộc Chương trình 135);
3. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (Dự án 3).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Quy định này áp dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn và thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 và các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135, trong đó: Ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

Điều 3. Điều kiện, nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

1. Điều kiện, nguyên tắc hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo

Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của địa phương

Đối với dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo, lựa chọn mô hình mang tính đặc thù, phù hợp với lợi thế so sánh của từng địa phương, hoặc là mô hình phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cộng đồng và doanh nghiệp, hoặc là mô hình giảm nghèo gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

b) Phù hợp với điều kiện, đặc điểm, nhu cầu của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Không gây ô nhiễm môi trường.

d) Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án.

đ) Ưu tiên hộ tham gia dự án có điều kiện về đất đai, lao động và tư liệu sản xuất đáp ứng với nội dung của dự án và cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký.

e) Hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia dự án phải có đơn đăng ký thoát nghèo, thoát cận nghèo.

g) Hộ không nghèo (không bao gồm hộ mới thoát nghèo) tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tự đảm bảo kinh phí thực hiện. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Hình thức, phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo thông qua các dự án do cộng đồng đề xuất (riêng hỗ trợ đất sản xuất và hỗ trợ khoán chăm sóc, bảo vệ rừng có thể lựa chọn hỗ trợ theo dự án hoặc hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng theo các quy định hiện hành). Cộng đồng có thể là nhóm hộ hoặc tổ nhóm hợp tác do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện hoặc thôn, bản được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực (trong đó tỷ lệ hộ không nghèo tham gia nhóm hộ, tổ, nhóm hợp tác tối đa là 30%). Người đại diện của cộng đồng là tổ trưởng, trưởng nhóm do các thành viên cộng đồng bầu ra. Hộ không nghèo tham gia dự án là hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi do cộng đồng đề xuất.

b) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng tiền mặt cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án.

c) Tuỳ theo yêu cầu, điều kiện cụ thể và căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện dự án phối hợp với đơn

vị liên quan xây dựng dự án với các nội dung: Tên dự án, loại mô hình (nếu có), thời gian triển khai (tối đa không quá 03 năm), địa bàn thực hiện, số hộ tham gia (số hộ nghèo, số hộ cận nghèo, số hộ mới thoát nghèo và số hộ không nghèo), các hoạt động của dự án, dự toán kinh phí thực hiện dự án, nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn vay tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia mô hình), dự kiến hiệu quả của dự án, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp.

d) Tùy điều kiện cụ thể và khả năng huy động nguồn vốn hợp pháp khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định thu hồi một phần chi phí hỗ trợ (tiền mặt hoặc hiện vật) hoặc luân chuyển trên địa bàn thực hiện dự án cho phù hợp với từng mô hình và điều kiện cụ thể của từng hộ nghèo tại địa phương để nâng cao trách nhiệm của từng hộ nghèo, bảo đảm nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được tham gia thực hiện mô hình.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 4. Nội dung và mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo

1. Chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

1.1. Mức hỗ trợ dự án

Mức hỗ trợ đối với các dự án, mô hình: Tối đa 500 triệu đồng/dự án, mô hình. Thời gian thực hiện tối đa không quá 3 năm.

1.2. Chi xây dựng và quản lý dự án

a) Mức chi xây dựng và quản lý dự án

Không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án, trong đó:

- Cấp huyện (thực hiện: Thẩm định dự án, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án....), mức hưởng bằng 35% tổng kinh phí chi xây dựng và quản lý dự án.

- Cơ quan đơn vị thực hiện dự án, cấp xã (thực hiện: Lập kế hoạch xây dựng dự án, triển khai thực hiện dự án, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, quyết toán dự án..), mức hưởng bằng 35% tổng kinh phí chi xây dựng và quản lý dự án.

- Thôn, bản (tuyên truyền chủ trương, chính sách, chủ trì bình xét, lựa chọn hộ tham gia dự án..), mức hưởng bằng 15% tổng kinh phí chi xây dựng và quản lý dự án.

- Nhóm hộ thực hiện dự án (đại diện cho nhóm dự án, thực hiện tuyên truyền, điều phối các hoạt động dự án, theo dõi, đôn đốc thực hiện dự án, ...), mức hưởng bằng 15% tổng kinh phí chi xây dựng và quản lý dự án.

b) Nội dung chi và mức chi cụ thể

- Chi nghiên cứu, lập dự án, lập mô hình mới, mô hình thí điểm và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình; xây dựng dự án nhân rộng và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình đã được thử nghiệm thành công: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện dự án, lựa chọn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, các hộ khác có nhu cầu và điều kiện để hỗ trợ phát triển sản xuất, tham gia mô hình thí điểm và mô hình nhân rộng; triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm mô hình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

- Chi các nội dung khác về quản lý dự án: Mức chi cụ thể do cấp phê duyệt dự án quyết định đảm bảo không vượt quá mức quy định tại tiết a điểm 1.2 khoản 1 Điều 4 của Quy định này.

1.3. Chi tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người tham gia dự án, mô hình

a) Chi thuê hội trường, phòng, bạt, bàn ghế, thiết bị loa đài (nếu có), công cụ, dụng cụ, vật tư, văn phòng phẩm trực tiếp phục vụ cho công tác tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: Thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính, cụ thể: Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn).

b) Tiền nước uống, tài liệu cho người tham dự: Thực hiện theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

c) Hỗ trợ tiền ăn, thuê chỗ nghỉ, tiền phương tiện đi lại cho người tham dự không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (nếu có): Thực hiện theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc

hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

d) Chi thù lao cho báo cáo viên

Thực hiện theo khoản 4 Điều 11 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Mức chi quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính và các văn bản điều chỉnh, bổ sung, thay thế (nếu có).

- Trường hợp báo cáo viên là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, trung tâm khuyến công, các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông dân sản xuất giỏi cấp huyện trở lên: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp huyện và tương đương theo quy định hiện hành.

- Trường hợp báo cáo viên là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, khai thác thủy sản, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên: Áp dụng mức chi đối với giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó giáo sư; tiến sĩ; giảng viên chính theo quy định hiện hành.

đ) Chi mua vật tư phục vụ các lớp tập huấn đầu bờ: Theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

1.4. Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án, mô hình cho đến khi có kết quả

a) Chi chế độ công tác phí cho cán bộ theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

b) Chi hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí): Tối đa 70.000 đồng/người/ngày thực địa.

1.5. Chi tổ chức đi thực tế học tập các dự án, mô hình có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao

a) Chi công tác phí cho cán bộ, thuê xe, tiền ăn, tiền thuê phòng ngủ (nếu có): Mức chi theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

b) Chi thù lao cho báo cáo viên: Mức chi quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định việc

lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Trường hợp báo cáo viên là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, trung tâm khuyến công, các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông dân sản xuất giỏi cấp huyện trở lên: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp huyện và tương đương theo quy định hiện hành. Trường hợp báo cáo viên là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, khai thác thủy sản, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên: Áp dụng mức chi đối với giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó giáo sư; tiến sĩ; giảng viên chính theo quy định hiện hành.

2. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản, mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Căn cứ dự toán được giao, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh qua sở, ngành quản lý chuyên ngành; các sở, ngành chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt loại mô hình, quy mô mô hình, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình và các nội dung chi thực hiện mô hình.

3. Nội dung và mức chi chuyên môn của dự án

3.1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp

a) Mức hỗ trợ các hộ gia đình, nhóm hộ tham gia dự án, mô hình

- Mức hỗ trợ các hộ gia đình: Hộ nghèo tối đa 12 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo tối đa 10 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo tối đa 8 triệu đồng/hộ.

- Mức hỗ trợ nhóm hộ: Mức hỗ trợ tối đa/nhóm hộ = Số hộ nghèo x 12 triệu đồng + Số hộ cận nghèo x 10 triệu đồng + Số hộ mới thoát nghèo x 8 triệu đồng. Tùy từng trường hợp cụ thể và số hộ tham gia dự án, mô hình, mức hỗ trợ nhóm hộ có thể tính bằng công thức: (Mức hỗ trợ tối đa/nhóm hộ = Số hộ nghèo x 12 triệu đồng + Số hộ cận nghèo x 10 triệu đồng + Số hộ mới thoát nghèo x 8 triệu đồng) hoặc (Mức hỗ trợ tối đa/nhóm hộ = Số hộ nghèo x 12 triệu đồng + Số hộ cận nghèo x 10 triệu đồng) hoặc (Mức hỗ trợ tối đa/nhóm hộ = Số hộ nghèo x 12 triệu đồng + Số hộ mới thoát nghèo x 8 triệu đồng).

b) Các nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ

- Đối với dự án trồng trọt: Hỗ trợ giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc, nông cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Đối với dự án chăn nuôi: Hỗ trợ giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin tiêm phòng, máy móc, công cụ sản xuất.

- Đối với dự án lâm nghiệp: Hỗ trợ lần đầu giống cây lâm nghiệp theo quy trình trồng rừng sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

- Đối với dự án ngư nghiệp (khai thác): Hỗ trợ hàm bảo quản.

- Đối với dự án nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản, ngư cụ đánh bắt.

Đối tượng tham gia các dự án quy định trên được hỗ trợ 100% tiền mua giống cây trồng, vật nuôi, vật tư thiết yếu (thức ăn chăn nuôi, phân hóa học, thuốc thú y bảo vệ thực vật, vắc xin tiêm phòng các bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm; hỗ trợ làm chuồng trại, chăn nuôi, cải tạo diện tích nuôi thủy sản...).

Riêng đối với dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo ngoài các nội dung hỗ trợ trên, khi tham gia dự án được hỗ trợ một số nội dung sau: Tập huấn kiến thức, chuyên giao khoa học kỹ thuật thực hiện dự án; thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình đã thực hiện thành công; hỗ trợ cán bộ kỹ thuật trực tiếp hướng dẫn thực hiện dự án; kiểm tra, nghiệm thu, tổng kết đánh giá và báo cáo.

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất liên ngành với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020.

3.2. Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ

a) Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm

- Mức hỗ trợ nhà xưởng: Tối đa 70% chi phí xây dựng nhà xưởng nhưng không quá 60 triệu đồng/dự án.

- Mức hỗ trợ máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất: Tối đa 70% kinh phí hỗ trợ nhưng không quá 150 triệu/dự án.

- Mức hỗ trợ chi phí vận chuyển nông sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho các hộ thuộc dự án: 1.500 đồng/tấn/km; khoảng cách được tính từ địa điểm sản xuất của nông dân đến cơ sở chế biến hoặc sơ chế sản phẩm của doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm

Thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau: Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương; kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020. Mức hỗ trợ thực

hiện theo các quy định về dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm hiện hành.

3.3. Hỗ trợ tạo đất sản xuất

Thực hiện theo khoản 3 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

a) Điều kiện được hỗ trợ: Hộ nghèo ở huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thiếu đất sản xuất hoặc không có đất sản xuất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Mức hỗ trợ: 15 triệu đồng/ha khai hoang, 10 triệu đồng/ha phục hóa, 15 triệu đồng/ha cải tạo thành ruộng bậc thang. Riêng đối với cải tạo thành ruộng xếp đá, mức hỗ trợ bằng mức cải tạo thành ruộng bậc thang.

3.4. Hỗ trợ khoán chăm sóc, bảo vệ rừng trên địa bàn huyện nghèo

Thực hiện theo khoản 4 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ

- Hộ nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng: Được hỗ trợ tiền khoán chăm sóc, bảo vệ rừng và hưởng lợi từ rừng.

- Hộ gia đình thực hiện bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên được hỗ trợ tiền bảo vệ rừng, tiền trồng rừng bổ sung.

- Hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng thì được hỗ trợ gạo trong thời gian chưa tự túc được lương thực.

b) Mức hỗ trợ: Theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020; Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

Điều 5. Trình tự, thủ tục xây dựng dự án

1. Bước 1: Lập Kế hoạch dự án

a) Cấp tỉnh

- Hằng năm, vào đầu kỳ kế hoạch, theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành có liên quan cung cấp thông tin

định hướng, dự kiến phân bổ nguồn vốn Trung ương, địa phương cho cấp huyện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin định hướng, dự kiến phân bổ vốn cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cấp huyện

- Ban hành Kế hoạch về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch trên địa bàn huyện.

- Trên cơ sở Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo dự kiến nguồn vốn phân bổ đối với từng dự án của từng xã, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã lập Kế hoạch xây dựng dự án.

c) Cấp xã

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch của địa phương.

- Đề xuất các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên cơ sở phối hợp, lồng ghép các nguồn vốn, huy động nội lực từ cộng đồng và người dân.

- Thông báo chủ trương đầu tư và chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo; tuyên truyền, phổ biến tới các thôn/bản để nhân dân trên địa bàn biết, xác định nhu cầu và xây dựng Dự án.

2. Bước 2: Xây dựng Dự án

2.1. Dự án có quy mô cấp xã, thôn, bản, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì xây dựng dự án theo 4 bước sau:

- a) Bước 1: Tuyên truyền, phổ biến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế sẽ thực hiện trên địa bàn

Đối tượng thực hiện: Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, bản.

Đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã và các đối tượng khác có liên quan.

Cách thức tiến hành: Thông báo bằng văn bản đến các đối tượng hưởng chính sách hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- b) Bước 2: Tổ chức họp lấy ý kiến về nội dung dự án và lập danh sách đối tượng tham gia dự án

Chủ trì cuộc họp: Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, bản.

Thành phần tham gia: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã và các đối tượng khác có liên quan.

Cách thức tiến hành: Tổ chức họp cấp thôn, bản (có ít nhất 2/3 số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia) để thảo luận lựa chọn nội dung dự án, danh sách đối tượng tham gia dự án (hộ tham gia dự án phải đăng ký thoát nghèo, thoát cận nghèo theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Quy định này, có cam kết thực hiện đúng các quy định của dự án, đối ứng kinh phí để triển khai dự án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Quy định này); doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (nếu có).

Lập biên bản họp thôn, bản theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 18/2017/TTBNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Bước 3: Xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế

Đối tượng thực hiện: Cán bộ được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ.

Cách thức thực hiện: Tổng hợp biên bản của các cuộc họp thôn, bản để xây dựng dự án theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 18/2017/TTBNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Bước 4: Thẩm định, phê duyệt dự án

- Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án. Tài liệu trình gồm có: Tờ trình phê duyệt dự án; Thuyết minh dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; Biên bản họp thôn, bản và bảng tổng hợp danh sách đối tượng tham gia dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã trình, sau đó giao cho các phòng chuyên môn thẩm định lại thủ tục hồ sơ, nội dung dự án; trong 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt dự án và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện. Trường hợp thủ tục hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ các phòng chuyên môn phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết trong 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

2.2. Dự án có quy mô liên xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho phòng, ban chức năng chủ trì xây dựng, thực hiện dự án (sau đây gọi là cơ quan chủ trì thực hiện dự án) như sau:

a) Cơ quan chủ trì thực hiện dự án thông báo và thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã về nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế sẽ thực hiện trên địa bàn xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng những nội dung dự án trên địa bàn xã theo quy định tại các điểm a, b khoản 1, Bước 1 Điều này (gửi kèm theo Biên bản họp thôn, bản và danh sách đối tượng tham gia dự án) về cơ quan chủ trì dự án để tổng hợp thành dự án chung.

c) Cơ quan chủ trì thực hiện dự án tổng hợp nội dung và danh sách đối tượng tham gia dự án của các xã; xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế theo quy định theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 18/2017/TTBNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

d) Phê duyệt dự án

Cơ quan chủ trì thực hiện dự án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án. Tài liệu trình gồm có: Tờ trình phê duyệt dự án; Thuyết minh dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; Biên bản họp thôn, bản và bảng tổng hợp danh sách đối tượng tham gia dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ của Cơ quan chủ trì thực hiện dự án trình, sau đó giao cho các phòng chuyên môn thẩm định lại thủ tục hồ sơ, nội dung dự án; trong 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt dự án và gửi cho Cơ quan chủ trì thực hiện dự án và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện. Trường hợp thủ tục hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ các phòng chuyên môn phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho Cơ quan chủ trì thực hiện dự án biết trong 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

3. Bước 3: Tổ chức thực hiện dự án

Trên cơ sở dự án được phê duyệt, Cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện như sau:

- Thông báo các nội dung của dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, doanh nghiệp, hợp tác và các đối tượng có liên quan (nếu có) về nội dung của dự án; chế độ chính sách hỗ trợ; danh sách hộ tham gia dự án.

- Giao Trưởng nhóm dự án có trách nhiệm: Điều phối các hoạt động dự án; theo dõi, đôn đốc các hộ gia đình trong nhóm triển khai thực hiện dự án; đại diện ký nhận hoặc xác nhận về các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hộ, nhóm hộ thực hiện dự án.

- Phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát dự án theo nội dung được phê duyệt. Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện dự án về Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Phụ lục 3 Thông tư 18/2017/TTBNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6. Quản lý, cấp phát, thanh quyết toán nguồn kinh phí

1. Quyết toán vốn hỗ trợ các dự án hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo

Thực hiện theo Điều 12 Mục 2 Chương II Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

2. Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí để thực hiện các dự án quy định tại Quyết định này cho các cơ quan, đơn vị và cho từng hộ dân phải chặt chẽ, đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng, theo chế độ quy định. Đối với những khoản thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho các hộ dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập danh sách cho từng hộ dân ký nhận, có xác nhận của trưởng thôn, bản và thực hiện đầy đủ thủ tục, chứng từ theo chế độ quy định.

3. Đối với giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá khác mua của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung của giá cả trên địa bàn cùng thời điểm (Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm thẩm định đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung của giá cả trên địa bàn cùng thời điểm); chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn, bản nơi bán, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

4. Hộ gia đình, nhóm hộ được xem xét cấp tạm ứng kinh phí tối đa không quá 70% giá trị hỗ trợ, thời điểm cấp tạm ứng được ghi trong nội dung dự án đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Sau khi các hộ gia đình hoặc nhóm hộ đã mua cây trồng, vật nuôi...có biên bản nghiệm thu của Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện Trưởng thôn, bản, Trưởng nhóm hộ thì được Ủy ban nhân dân cấp xã thanh toán số kinh phí hỗ trợ còn lại cho các hộ dân tham gia dự án. Trường hợp các hộ gia đình đã ứng vốn mà không mua cây trồng, vật nuôi phải có trách nhiệm hoàn trả ngay số tiền đã ứng cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Hồ sơ tài liệu Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thực hiện dự án (chủ đầu tư) gửi cơ quan kiểm soát thanh toán đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, gồm:

- Quyết định phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo các phụ lục được lập theo hướng dẫn tại Quyết định này) trong đó quy định cụ thể cơ chế thu hồi, quay vòng vốn phù hợp với từng dự án (nếu có).

- Quyết định giao dự toán kinh phí thực hiện dự án.

- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (nếu có), giấy rút dự toán.

- Hồ sơ đề nghị tạm ứng: Chứng từ đề nghị cấp tạm ứng, kèm theo danh sách hộ, nhóm hộ đề nghị tạm ứng.

- Hồ sơ đề nghị thanh toán:

- + Chứng từ đề nghị thanh toán, thu hồi tạm ứng.

- + Bảng kê danh sách nhận tiền tạm ứng có chữ ký của đại diện hộ, nhóm hộ và có xác nhận của trưởng thôn, bản và Ủy ban nhân dân cấp xã.

- + Hóa đơn hoặc giấy biên nhận mua bán của các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn, bản nơi bán, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; Bảng kê (có ký nhận) danh sách hộ, nhóm hộ được hỗ trợ; Biên bản nghiệm thu của Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện của trưởng thôn, bản, trưởng nhóm hộ; Bản cam kết hoàn lại một phần kinh phí hỗ trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) của hộ gia đình được hỗ trợ (nếu có).

+ Các chứng từ khác theo nội dung, mức chi của dự án.

6. Cơ quan kiểm soát, thanh toán

Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn và các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135 do Kho bạc Nhà nước cấp huyện thực hiện việc kiểm soát, thanh toán theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đối với các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, thuộc dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020. Trên cơ sở đó thống nhất liên ngành với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020.

- Ban hành Hướng dẫn cụ thể đối với các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên.

- Ban hành Bộ định mức kỹ thuật đối với giống cây trồng, vật nuôi cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Định kỳ sơ kết 6 tháng, tổng kết năm báo cáo cơ quan thường trực Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) theo mẫu tại Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn quy trình kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đối với các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên.

- Ban hành Hướng dẫn cụ thể đối với các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên.

- Định kỳ sơ kết 6 tháng, tổng kết năm báo cáo chung toàn tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh theo mẫu tại Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn quy trình kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

3. Ban Dân tộc tỉnh

- Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đối với các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn/bản đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135.

- Tổng hợp, đánh giá và báo cáo về kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Chương trình 135 định kỳ 6 tháng, 01 năm về Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan thường trực Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) theo mẫu tại Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Hướng dẫn quy trình kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai quy trình lập Kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

6. Kho bạc Nhà nước tỉnh

- Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ và quy định của Nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước chỉ kiểm soát thanh toán căn cứ các tài liệu do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc đã quy định, không chịu trách nhiệm về tính chính xác của đối tượng, đơn giá, khối lượng, chất lượng và giá trị đề nghị hỗ trợ. Trường hợp phát hiện quyết định của cấp có thẩm quyền trái với quy định hiện hành, Kho bạc Nhà nước có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét và nêu rõ ý kiến đề xuất. Nếu quá thời gian quy định mà không có trả lời hoặc trả lời thấy chưa phù hợp với quy định phải có văn bản báo cáo lên cấp có thẩm quyền cao hơn để xem xét, xử lý.

7. Các Sở, ban, ngành có liên quan trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện các quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng dự toán chi thực hiện các chính sách hỗ trợ các dự án trên cùng với thời kỳ xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ thực hiện các dự án đến cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn.

- Ban hành Kế hoạch về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch trên địa bàn huyện; thông báo dự kiến vốn phân bổ đối với từng dự án của từng xã, để biết lập Kế hoạch xây dựng dự án.

- Thành lập Tổ công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG huyện để hướng dẫn, kiểm tra cấp xã thực hiện dự án.

- Chỉ đạo các phòng chức năng tổ chức thẩm định thủ tục hồ sơ, nội dung dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị; phê duyệt và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện dự án; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện dự án. Chỉ đạo việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định.

- Đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ của chủ đầu tư.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương và của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, 01 năm với Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo, sở, ban, ngành có liên quan về kết quả và tiến độ thực hiện dự án theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư 18/2017/TTBNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thành lập Ban quản lý cấp xã để tổ chức triển khai thực hiện dự án trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến tới các thôn/bản để nhân dân trên địa bàn biết, làm cơ sở xác định nhu cầu và xây dựng Dự án.

- Chỉ đạo Trưởng thôn, bản hướng dẫn các hộ lựa chọn thực hiện dự án và đề xuất trưởng nhóm của các hộ; tổ chức họp bình xét, chọn lựa hộ tham gia dự án.

- Giao Ban quản lý cấp xã có trách nhiệm tổng hợp danh sách các hộ đăng ký tham gia dự án, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt.

- Thông báo kết quả phê duyệt dự án của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chế độ chính sách hỗ trợ và tiến độ thực hiện dự án; công khai mức hỗ trợ cho từng

hộ dân theo từng chính sách, chế độ được hỗ trợ. Công khai hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân tham gia dự án.

- Phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội ở địa phương để tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát dự án theo nội dung được phê duyệt.

- Cử cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình thực hiện dự án trên địa bàn xã.

- Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện dự án theo quy định. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp huyện về tổ chức triển khai thực hiện dự án trên địa bàn.

- Tổng hợp, đánh giá và báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện dự án định kỳ quý, 6 tháng, 01 năm về Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư 18/2017/TTBNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; báo cáo, đánh giá việc thực hiện Quy định này theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp. / *nv*



Mùa A Sơn